TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**……**/2026/KDTM-ST
Ngày: 30 - 01- 2026
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Hoài Khanh**

Bà **Hồ Thị Ngân**

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Võ Tài Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – An Giang tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 01/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS, ngày 06/6/2024; Thông báo mở phiên tòa số 04/2026/TB-TA, ngày 02/01/2026 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Hộ kinh doanh Nguyễn Lan;

Đại diện hộ kinh doanh: Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1984 - là Chủ Hộ Kinh doanh (vắng mặt).

Địa chỉ: số 147/C, ấp Nguyễn Văn Thới, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Lâm, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Thạnh, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

** Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Phạm Bảo.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Bảo Lộc, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ Công ty: số 525, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Dương Ngọc Thắng, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Lô 24 - căn 16, đường số 10, khu dân cư An Bình, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Phạm Bảo Khương, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: số 898, đường 3/2, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

3. Dương Quốc Việt Anh, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: số 66/6, đường Trần Bình Trọng, phường An Phú, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ hiện nay: 109 D14 Khu Dân Cư Hồng Loan, Hưng Thạnh, Cái Răng, Cần Thơ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Thanh Bình (tên gọi khác Nguyễn Thanh Hải), sinh năm 1977 (…….. mặt);

Địa chỉ: ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ông Lê Văn Phúc Anh, sinh năm 1986 (……. mặt);

Địa chỉ: số 147/C, ấp Nguyễn Văn Thới, xã Thạnh Lộc, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan là ông Nguyễn Văn Lâm thống nhất trình bày:*

Ngày 20/3/2022, Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan (bên A) với Công ty TNHH Phạm Bảo (bên B) ký hợp đồng mua bán háng hóa số 02/HĐKT với các điều khoản cơ bản sau: Bên A bán cho bên B 5.000 cây cừ tràm (dài 4,7m, đường kính ngọn 3,8-4,2cm với giá 25.000 đồng/cây = 125.000.000 đồng.

Bên B sẽ thanh toán cho bên A sau khi nhận hàng bằng hình thức chuyển khoản.

Ngày 31/5/2022, các bên lập biên bản thanh lý hợp đồng nêu trên, theo đó bên B còn nợ bên A 125.000.000 đồng. Bên A đã xuất hóa đơn bán hàng cho bên B, nhưng đến nay bên B chưa thanh toán tiền cho bên A.

Ngoài ra, quá trình thực hiện hợp đồng, bên B đề nghị bên A cung ứng thêm cừ tràm ngoài hợp đồng, cụ thể:

Tính đến ngày 11/5/2022, bên B đã nhận thêm của bên A số lượng 2.576 cây cừ tràm. Số cừ tràm này bên B ủy nhiệm cho ông Nguyễn Thanh Hải nhận hàng và

ông Hải có viết giấy tay xác nhận (7.576 cây x 25.000 đồng/cây = 189.400.000 đồng; phần nhận thêm ngoài hợp đồng là 189.400.000 đồng – 125.000.000 đồng = 64.400.000 đồng).

Ngày 9/12/2022, bên B ủy nhiệm cho ông Phạm Văn Phúc nhận thêm 600 cây cừ tràm x 25.000 đồng = 15.000.000 đồng.

Tổng cộng bên B chưa thanh toán cho bên A là 189.400.000 đồng + 15.000.000 đồng = 204.400.000 đồng.

Ngoài ra, việc bên B chậm trả tiền đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Lan trong quá trình kinh doanh. Do đó, bên B chịu trách nhiệm thanh toán lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định, tạm tính như sau:

Lãi chậm trả của 189.400.000 đồng kể từ ngày 11/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/01/2026, tính tròn 43 tháng là 189.400.000 đồng x 43 tháng x 10%/năm = 67.868.333 đồng.

Lãi chậm trả của 15.000.000 đồng kể từ ngày 19/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 30/01/2026, tính tròn 43 tháng là 15.000.000 đồng x 43 tháng x 10%/năm = 5.375.000 đồng.

Tổng tiền gốc lãi là 277.643.333 đồng.

Đối với biên bản thanh lý hợp đồng số 02/HĐKT, ngày 15/5/2022, tổng giá trị hợp đồng là 125.000.000 đồng; giá trị bên B đã thanh toán là 125.000.000 đồng; số tiền còn lại chưa thanh toán là 0 đồng. Lý do ký biên bản thanh lý hợp đồng số 02/HĐKT là do cần làm thủ tục quyết toán thuế nên phải ký biên bản thanh lý. Sau khi ký biên bản thanh lý hợp đồng thì cùng ngày 15/5/2022, bà Nguyễn Thị Lan, chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan đã xuất hóa đơn bán hàng số 0097410 với số tiền 189.400.000 đồng để làm thủ tục quyết toán thuế, theo nguyên tắc mua bán thì sau khi xuất hóa đơn xong thì vài ngày sau Công ty sẽ chuyển tiền để trả, nhưng đến nay Công ty trách nhiệm hữu hạn Phạm Bảo vẫn chưa trả số tiền mua bán cừ tràm cho bà Lan.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn xác định: Về hợp đồng số 03/HĐKT ngày 20/3/2022 và 02/HĐKT ngày 25/3/2022: Hai bản hợp đồng này hoàn toàn giống nhau về nội dung lẫn hình thức và các bên ký cùng một 1 lần duy nhất. Riêng số, ngày hợp đồng thì để trống và điền chữ viết tay vào nên mới xảy ra sai sót thành hai hợp đồng có số, ngày khác nhau. Thực chất đây chỉ là 1 hợp đồng, không có hợp đồng nào khác và chỉ có 01 bảng đã cung cấp cho Tòa án.

Ngày ký hợp đồng đầu tiên là hợp đồng số 03/HĐKT ngày 20/3/2022. Khi làm hồ sơ quyết toán thuế, bà Lan đã ghi nhầm thành hợp đồng số 02/HĐKT ngày 25/3/2022 nên bà Lan đã sửa hợp đồng số 03/HĐKT ngày 20/3/2022 thành hợp đồng số 02/HĐKT ngày 25/3/2022 để quyết toán thuế.

Nguyên đơn xác định lại: Hợp đồng được ký giữa các bên là hợp đồng số 03/HĐKT ngày 20/3/2022.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Phạm Bảo phải trả số tiền mua cừ tràm còn thiếu là 204.400.000 đồng. Yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất là 10%/năm, kể từ ngày chậm trả tiền cho đến khi thanh toán xong, tạm tính đến ngày khởi kiện là 29.722.500 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 234.122.500 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Phạm Bảo phải trả số tiền mua cừ tràm còn thiếu là 204.400.000 đồng. Yêu cầu thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất là 10%/năm, kể từ ngày chậm trả tiền cho đến khi thanh toán xong, tạm tính đến ngày 30/01/2026 là 73.243.333 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 277.643.333 đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theeo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH Phạm Bảo trình bày:*

Công ty chúng tôi có ký hợp đồng để giao khoán cho ông Nguyễn Thanh Bình (Nguyễn Thanh Hải) thi công toàn bộ công trình ở đường Sóc Cung, xã Phi Thông. Công ty chúng tôi giao khoán toàn bộ công trình cho ông Nguyễn Thanh Bình (Nguyễn Thanh Hải) thi công, toàn bộ vật tư, nhân công đều do ông Nguyễn Thanh Bình phụ trách. Ông Nguyễn Thanh Bình tự thỏa thuận mua cừ tràm của bà Nguyễn Thị Lan - Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan, địa điểm giao cừ tràm là ở công trình ông Bình đang thi công, mỗi lần giao cừ tràm thì ông Bình ký nhận số cừ tràm. Sau khi mua vật tư xong và hoàn thành khối lượng tương ứng thì ông Bình sẽ báo số tiền đã mua là bao nhiêu thì công ty chúng tôi sẽ lên khối lượng cho đội và trả tiền cho bên bán.

Đối với hợp đồng mua bán hàng hóa số 02/HĐKT, ngày 25/3/2022 Công ty TNHH Phạm Bảo ký kết bà Nguyễn Thị Lan - Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan, do bà Lan đến Công ty nhờ ký để bà Lan quyết toán thuế. Đến ngày 15/5/2022 thì Công ty đã ký biên bản thanh lý với bà bà Nguyễn Thị Lan - Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan, số tiền 125.000.000 đồng, đồng thời bên bà Lan đã xuất hóa đơn bán hàng số 0097410, ngày 15/5/2022. Đối với số tiền theo hóa đơn số 0097410, ngày 15/5/2022, số tiền 189.000.000 đồng ông Nguyễn Thanh Bình đã trả cho cho bà Nguyễn Thị Lan - Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan thì Công ty không biết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan - Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan, trách nhiệm trả nợ là của ông Nguyễn Thanh Bình (Nguyễn Thanh Hải),

không liên quan đến trách nhiệm của Công ty TNHH Phạm Bảo. Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hợp đồng giao khoán ngày 15/10/2021 do Công ty TNHH Phạm Bảo ký với ông Nguyễn Thanh Bình, Công ty đã thanh lý xong với ông Nguyễn Thanh Bình.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh Bình có ý kiến:* Tôi là người nhận thi công công trình cho Công ty TNHH Phạm Bảo, dự án công trình ở ấp Sóc Cung, xã Phi Thông, làm cầu đường nông thôn. Trong quá trình thi công phải sử dụng cừ tràm, nên Công ty TNHH Phạm Bảo mua cừ tràm của bà Nguyễn Thị Lan - Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan, địa điểm giao cừ tràm là ở công trình tôi làm, mỗi lần giao cừ tràm thì tôi ký nhận số cừ tràm, không có đếm số lượng cừ tràm đã giao, khi nhận xong sẽ ký biên bản xác nhận số lượng đã giao với bên bà Lan. Ngày 10/5/2022 tôi xác nhận có nhận tổng số cừ tràm là 7576 cây. Số cừ tràm tôi chỉ nhận để thi công công trình, số tiền trả tiền cừ tràm sẽ do Công ty TNHH Phạm Bảo tự trả cho bà Nguyễn Thị Lan. Việc Công ty TNHH Phạm Bảo trả tiền cho bà Lan hay chưa thì tôi không rõ, việc thỏa thuận giữa bên bà Nguyễn Thị Lan với Công ty TNHH Phạm Bảo cụ thể như thế nào thì tôi không rõ. Công ty TNHH Phạm Bảo không có ủy quyền cho tôi ký nhận cừ tràm chỉ thỏa thuận miệng, không có lập thành văn bản, nhưng do tôi trực tiếp làm ở công trình nên khi có người giao cừ tràm thì tôi sẽ ký nhận.

Việc thỏa thuận mua bán cừ tràm giữa bà Nguyễn Thị Lan với Công ty TNHH Phạm Bảo thì tôi không có liên quan, tôi chỉ là người nhận cừ tràm để thi công công trình. Do khi giao cừ tràm ở công trình thì cần phải có người ký nhận, nên tôi mới ký xác nhận đã nhận tổng số cừ tràm là 7576 cây; giữa bà Nguyễn Thị Lan với Công ty TNHH Phạm Bảo ký hợp đồng mua bán số lượng bao nhiêu cầy cừ tràm thì tôi không biết. Tôi không có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị Lan như Công ty TNHH Phạm Bảo đã trình bày.

Hợp đồng giao khoán ngày 15/10/2021 do tôi ký với Công ty TNHH Phạm Bảo, đã thanh lý xong với Công ty TNHH Phạm Bảo.

Khi tôi thi công công trình tại dự án công trình ở ấp Sóc Cung, xã Phi Thông, làm cầu đường nông thôn thì tôi có thỏa thuận miệng với Công ty TNHH Phạm Bảo là cừ tràm, sắt, xi măng Công ty TNHH Phạm Bảo sẽ tự ký hợp đồng và tự thanh toán cho bên bán, tôi không liên quan nhưng tôi không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Phúc Anh có ý kiến: G*iữa tôi và chị Nguyễn Thị Lan - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan là vợ chồng với nhau.

Về nội dung trình bày của Nguyên đơn, tôi xác nhận là đúng sự thật và thốngnhất yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tôi xác định Công ty Phạm Bảo trực tiếp ký Hợp đồng mua bán Cừ tràm với chị Lan và có thiếu nợ tiền của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan.

Quá trình giao kết, tôi có tham gia giao Cừ tràm cho công ty Phạm Bảo nên nắm rõ sự việc.

Đề nghị Quý toà chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Ngoài ra, tôi không yêu cầu gì thêm trong vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn :....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Bình (Nguyễn Thanh Hải) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Bình (Nguyễn Thanh Hải).

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Phạm Bảo phải trả số tiền của hợp đồng mua bán cừ tràm còn thiếu. Đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan và Công ty TNHH Phạm Bảo có ký Hợp đồng mua bán số 03/HĐKT, ngày 20/3/2022; trong quá tình giải quyết vụ án. đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn thống nhất xác định giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan và

Công ty TNHH Phạm Bảo có ký Hợp đồng mua bán số 02/HĐKT, ngày 25/3/2022; đồng thời theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện các bên đã ký kết với nhau Hợp đồng mua bán số 02/HĐKT, ngày 25/3/2022, nên Hội đồng xét xử xác định đối tượng tranh chấp trong vụ án là Hợp đồng mua bán số 02/HĐKT, ngày 25/3/2022.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Phạm Bảo phải trả số tiền mua cừ tràm còn thiếu là 204.400.000 đồng. Bị đơn không đồng ý trả số tiền mua cừ tràm nêu trên và xác định trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn thuộc về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh Bình (Nguyễn Thanh Hải).

Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng mua bán số 02/HĐKT, ngày 25/3/2022, tên hàng hóa là Cừ tràm, chiều dài = 4,7m, đường kính ngọn = 3,8-4,2m, số lượng 5.000 cây, đơn giá 25.000 đồng, với tổng giá trị hợp đồng là 125.000.000 đồng, có chữ ký của bên bán (bên A) là Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan, bên mua (bên B) là Công ty TNHH Phạm Bảo. Đến ngày 15/5/2022, giữa bên bán (bên A) là Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan, bên mua (bên B) là Công ty TNHH Phạm Bảo đã ký biên bản thanh lý hợp đồng số 02/HĐKT, nội dung xác định tổng giá trị hợp đồng là 125.000.000 đồng, số tiền bên B đã thanh toán là 125.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 0 đồng.

Đại diện nguyên đơn xác định là do cần làm thủ tục Quyết toán thuế đối với Cơ quan có thẩm quyền, nên nguyên đơn mới nhờ bị đơn ký biên bản thanh lý nêu trên, thực tế số tiền 125.000.000 đồng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, phần trình bày nêu trên của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, không được đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận; sau khi ký biên bản thanh lý ngày 15/5/2022, giữa các bên cũng không có lập văn bản hay có thỏa thuận gì chứng minh bị đơn còn nợ số tiền trên. Nên căn cứ vào khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xác định Hợp đồng mua bán số 02/HĐKT, ngày 25/3/2022 đã được thanh lý bằng biên bản thanh lý ngày 15/5/2022, bị đơn đã thanh toán đầy đủ cho nguyên đơn số tiền theo Hợp đồng mua bán số 02 ngày 25/3/2022 là 125.000.000 đồng.

Đối với Hóa đơn bán hàng số 0097410, ngày 15/5/222, hóa đơn được lập cùng ngày với biên bản thành lý hợp đồng số 02, tên người mua hàng là Công ty TNHH Phạm Bảo, tên hàng hóa là Cừ tràm, chiều dài = 4,7m, đường kính ngọn = 3,8-4,2m, số lượng 7.576 cây, đơn giá 25.000 đồng, số tiền của hóa đơn là 189.400.000 đồng; tuy nhiên tại đơn bán hàng số 0097410, ngày 15/5/222 không có chữ ký của người mua hàng, đồng thời cũng không có văn bản nào thể hiện Công ty TNHH Phạm Bảo có nhận của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan số lượng cừ tràm là 7.576 cây.

Trong hồ sơ vụ án, Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan có cung cấp bản photo biên nhận ngày 10/5/022 với số tiền 189.400.000 đồng, có nội dung xác nhận đã nhận cừ tràm tổng số cây là 7.576 cây, có chữ ký tên và viết tên Nguyễn Thanh Hải. Tuy nhiên, biên nhận nêu trên không có xác nhận của Công ty TNHH Phạm Bảo, nên không có cở sở để xác định bị đơn đã nhận của nguyên đơn 7.576 cây cừ tràm và đến nay vẫn chưa thanh toán tiền theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nếu Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan xác định quyền lợi bị ảnh hưởng thì có quyền khởi kiện ông Nguyễn Thanh Hải (người đã ký nhận số cừ tràm là 7.576 cây) thành vụ kiện khác.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 430, 431, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi của hợp đồng mua bán hàng hóa là 277.643.333 đồng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch đối với số tền 277.643.333 đồng là: 13.882.167 đồng; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 5.854.000 đồng theo lai thu số 0004866 ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên nguyên đơn phải nộp thêm số tiền án phí là 8.028.167 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 1, 4 Điều 91; Điều 147; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, các Điều 430, 431, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" đối với bị đơn Công ty TNHH Phạm Bảo.

Về án phí: Nguyên đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Lan phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm giá ngạch là: 13.882.167 đồng; khấu trừ số tiền tạm ứng á n phí đã tạm nộp là 5.854.000 đồng theo lai thu số 0004866 ngày 12/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên nguyên đơn phải nộp thêm số tiền án phí là 8.028.167 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/01/2026). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN

** Nơi nhận:*
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Rạch Giá, ngày 12 tháng 5 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ..... giờ ..... phút, ngày 12 tháng 5 năm 2025.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Mỹ và bà Chung Kim Sang

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 190/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" giữa:

* *Nguyên đơn:* Ông Chung Văn Sủng, sinh năm 1981;

* *Bị đơn:* Bà Võ Thị Ni**,** sinh năm 1965;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử đồng thống nhất 3/3 quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, các Điều 513, 514, 515, 518, 519 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chung Văn Sủng về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ" đối với bị đơn bà Võ Thị Ni.

Buộc bà Võ Thị Ni phải có nghĩa vụ trả cho ông Chung Văn Sủng số tiền của hợp đồng dịch vụ là 1.124.600.000 đồng (một tỷ một trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chủng Văn Sủng đối với số tiền 110.000.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn bà Võ Thị Ni phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 45.738.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Chung Văn Sủng số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 24.520.000 đồng theo lai thu số 0004556 ngày 24/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.